

Số: 909/QĐ-CĐSL

Sơn La, ngày 29 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Công nhận kết quả thi và cấp chứng chỉ thi đánh giá năng lực tiếng Việt
theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài,
kỳ thi ngày 16, 17/9/2025**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƠN LA

Căn cứ Thông tư số 27/2021/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông tư Ban hành Quy chế thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài;

Căn cứ Công văn số 1813/QLCL-QLT ngày 23/12/2022 của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài;

Căn cứ Công văn số 1766/ĐHSP-HTQT ngày 09/11/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên về việc Cho phép sử dụng bộ ngân hàng câu hỏi thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-CĐSL ngày 02/01/2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Sơn La;

Căn cứ Quyết định số 881/QĐ-CĐSL ngày 07/12/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La ban hành Quy trình tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài;

Căn cứ Quyết định số 883/QĐ-CĐSL ngày 07/12/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La về việc ban hành Quy định về Quản lý, sử dụng ngân hàng đề thi đánh giá năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài tại Trường Cao đẳng Sơn La;

Căn cứ Thông báo số 198/TB-CĐSL ngày 13/6/2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La về việc tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt cho người nước ngoài, kỳ thi ngày 16, 17/9/2025;

Căn cứ Kế hoạch số 297/KH-CĐSL ngày 10/9/2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La Kế hoạch Tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo

Khung năng lực tiếng Việt dùng cho Lưu học sinh Lào K15 tại Trường Cao đẳng Sơn La, kỳ thi ngày 16, 17/9/2025;

Căn cứ Quyết định số 850/QĐ-CĐSL ngày 11/9/2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La về việc thành lập Hội đồng Thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài, kỳ thi ngày 16, 17/9/2025;

Căn cứ Tờ trình ngày 29/9/2025 của Trưởng Ban Coi, Chấm thi trình Chủ tịch Hội đồng thi về việc Đề nghị phê duyệt kết quả thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài, kỳ thi ngày 16, 17/9/2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và cấp chứng chỉ cho Lưu học viên Lào K15 và thí sinh có nhu cầu đăng ký dự thi, kỳ thi ngày 16, 17/9/2025 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Trưởng các đơn vị có liên quan và các thí sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để t/h);
- Trường ĐH Tân Trào (t/b);
- Lưu: VT, KTCL.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Xuân Thắng

DANH SÁCH
KẾT QUẢ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT THEO KHUNG NĂNG LỰC
TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI, KỲ THI NGÀY 16, 17/9/2025

*(Kèm theo Quyết định số 909 /QĐ-CĐSL ngày 29 tháng 9 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La)*

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Kỹ năng				TBC	Bậc năng lực	Ghi chú
				Nghe	Nói	Đọc	Viết			
1	TV3.001	MANIVONG AE	03/04/1983	6.5	7.5	6.0	6.0	26.0	B2	CĐSL
2	TV3.002	MANEEVONG AKHOM	15/12/1973	6.0	7.0	8.5	6.0	27.5	B2	CĐSL
3	TV3.003	DUANGVILAI ALITA	21/04/1991	8.0	9.0	8.5	7.5	33.0	C1	CĐSL
4	TV3.004	KINLA ONG ANONG	01/08/1989	6.5	7.5	6.5	5.5	26.0	B2	CĐSL
5	TV3.005	BUALAVAN AOUM	18/08/2005	6.0	5.5	7.0	4.5	23.0	B2	LHS Lào K23B
6	TV3.006	INTHASONE ATHIT	05/08/2007	6.0	6.5	8.0	2.5	23.0	B2	LHS Lào K23A
7	TV3.007	MITHBOUAPHONE BANDITH	15/05/1990	7.0	5.5	7.5	3.5	23.5	B2	CĐSL
8	TV3.008	ONYASAN BOUNTHANOME	05/05/1990	7.0	9.0	6.5	4.5	27.0	B2	CĐSL
9	TV3.009	SIVILAY CHALIYA	26/12/2006	4.0	1.5	5.5	2.0	13.0	A2	LHS Lào K23E
10	TV3.010	PHOUMPANYA CHANSAMONE	04/06/2007	6.0	3.0	4.0	4.0	17.0	B1	LHS Lào K23E
11	TV3.011	THOUMMAVONG CHENNY	18/09/2006	7.0	8.0	7.5	3.0	25.5	B2	ĐH Tân Trào
12	TV3.012	CHANTHAVONG DAVONE	03/01/1986	6.5	9.0	6.0	6.5	28.0	B2	CĐSL
13	TV3.013	KHAMXAYMY DAXONG	06/03/1987	6.5	7.0	7.0	3.5	24.0	B2	CĐSL
14	TV3.014	XAIYAVONGSA FONGMEK	20/07/1984	7.0	5.5	6.0	5.0	23.5	B2	CĐSL
15	TV3.015	XAYSUE HOUAYANG	02/05/1979	5.0	2.0	2.5	2.0	11.5	A2	CĐSL
16	TV3.016	YANG KENG	17/05/1988	5.5	7.0	5.5	6.5	24.5	B2	CĐSL
17	TV3.017	SOMPHAIT KHAMPHOUY	03/06/1980	6.5	7.0	5.5	6.0	25.0	B2	CĐSL
18	TV3.018	BOUNMEEXAY KHAMXOY	12/09/2004	3.5	6.5	8.0	6.0	24.0	B2	LHS Lào K23D
19	TV3.019	PHETNOUPHANH KHEK	20/11/1992	8.0	8.5	7.5	8.5	32.5	C1	CĐSL
20	TV3.020	SENGKHAMYONG KHONESAVANH	06/03/2005	7.5	8.5	6.0	5.5	27.5	B2	ĐH Tân Trào
21	TV3.021	BOUDDAVONG KHONESY	03/03/1985	7.0	9.0	6.0	7.5	29.5	C1	CĐSL
22	TV3.022	PHETSAVANG KOMIN	12/07/2006	7.0	4.0	5.5	1.5	18.0	B1	ĐH Tân Trào
23	TV3.023	SOULAKHAM KONGTHIP	14/04/1987	6.5	6.0	8.0	8.5	29.0	C1	CĐSL
24	TV3.024	XAIPANYA LACKMANY	02/01/1986	6.5	4.5	3.0	5.0	19.0	B1	CĐSL
25	TV3.025	SYSOUTHAM LATHSAMY	26/06/2001	9.0	5.5	7.5	5.0	27.0	B2	LHS Lào K23D
26	TV3.026	LORVANHKHAM LENA	06/03/2006	4.0	3.5	4.5	3.5	15.5	B1	LHS Lào K23E
27	TV3.027	SINGKADOUATHAO LI	12/05/1985	5.0	8.0	6.5	4.0	23.5	B2	CĐSL
28	TV3.028	THAELOKHAMXAY LORMEU	18/04/2004	3.0	4.0	4.0	5.0	16.0	B1	LHS Lào K23E
29	TV3.029	PHOMMACHAN MAIPHONE	29/09/1983	5.5	7.5	6.5	5.0	24.5	B2	CĐSL
30	TV3.030	PHENGBOUNHOM MALAITHONG	04/10/2006	3.5	4.0	8.0	5.0	20.5	B1	LHS Lào K23A

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Kỹ năng				TBC	Bậc năng lực	Ghi chú
				Nghe	Nói	Đọc	Viết			
31	TV3.031	SOUPHADLAK MALISA	15/01/2007	5.5	6.5	7.5	4.5	24.0	B2	LHS Lào K23A
32	TV3.032	SOUTHAMMAVONG MAYSA	28/04/2007	8.0	4.5	8.0	2.5	23.0	B2	ĐH Tân Trào
33	TV3.033	KHOUNPHACHANSY MITNILAN	11/07/1993	8.0	9.0	8.5	8.0	33.5	C1	CĐSL
34	TV3.034	SYBOUNPHENG NITHPHANSA	29/07/2007	4.0	3.0	6.5	3.5	17.0	B1	LHS Lào K23B
35	TV3.035	BOUNMIXAY NOUANSY	26/05/2006	6.0	7.0	6.5	3.5	23.0	B2	ĐH Tân Trào
36	TV3.036	SYSAWARD PHAIVANH	07/01/2007	7.0	5.5	8.0	3.0	23.5	B2	ĐH Tân Trào
37	TV3.037	THAMMAVONG PHIMPHA	13/03/1973	6.0	6.5	6.0	4.5	23.0	B2	CĐSL
38	TV3.038	PHETMYXAY PHOUNTHONE	19/12/1990	6.0	8.5	6.0	6.0	26.5	B2	CĐSL
39	TV3.039	SOUVANNATHONG PHOUVA	30/03/2000	6.0	6.0	6.0	5.0	23.0	B2	LHS Lào K23B
40	TV3.040	PHOMSOUVANH PHOUXAISANA	20/02/2006	6.0	6.0	7.0	5.0	24.0	B2	LHS Lào K23B
41	TV3.041	SIMMAVONG SALEUMXAY	25/03/2007	8.0	5.0	6.5	4.0	23.5	B2	ĐH Tân Trào
42	TV3.042	KHAMPAN INTHAVONG SAMLAN	01/01/1999	6.5	5.0	6.0	3.0	20.5	B1	LHS Lào K23B
43	TV3.043	PHETSAVAI SANTISOUK	19/12/2006	4.5	6.5	6.0	6.0	23.0	B2	LHS Lào K23B
44	TV3.044	KHAMMISOULIVONG SAVANHTHONG	18/08/1979	4.5	6.0	7.5	5.0	23.0	B2	CĐSL
45	TV3.045	BOUNCHALEUN SAYPHONE	17/10/2006	6.0	6.5	7.0	5.0	24.5	B2	LHS Lào K23A
46	TV3.046	VANHVISAI SENGTAIVANH	04/12/1989	6.0	8.0	6.0	7.0	27.0	B2	CĐSL
47	TV3.047	SOULIVONG SILIPHOM	10/10/1986	4.5	7.5	6.5	5.5	24.0	B2	CĐSL
48	TV3.048	PHONMEESAI SOMMAY	08/12/1991	5.0	6.0	7.0	6.0	24.0	B2	CĐSL
49	TV3.049	KEO OUDONE SOMPHET	13/12/1982	6.0	5.5	7.0	4.5	23.0	B2	CĐSL
50	TV3.050	XAIYASITH SOMPHUTH	23/12/1990	6.0	7.5	6.0	4.0	23.5	B2	CĐSL
51	TV3.051	ONGKEOBOUNMEE SOMPONG	21/09/1978	7.0	5.5	7.5	3.0	23.0	B2	CĐSL
52	TV3.052	HENGCHIT SOMSAK	08/03/2001	4.0	5.0	7.0	3.0	19.0	B1	LHS Lào K23C
53	TV3.053	XAI SOMTHAVY	09/02/2000	6.5	4.5	3.5	2.0	16.5	B1	ĐH Tân Trào
54	TV3.054	BOUASOMPHENG SONEPHET	13/10/1981	7.0	7.0	8.5	7.5	30.0	C1	CĐSL
55	TV3.055	BOULOM SONETHAVEE	02/08/1998	6.5	7.5	8.5	5.0	27.5	B2	CĐSL
56	TV3.056	PHOMMALY SOUDEN	12/09/1989	7.0	5.5	6.5	4.0	23.0	B2	CĐSL
57	TV3.057	BANDASAK SOUKSAKHONE	03/10/2003	7.0	7.0	6.5	3.0	23.5	B2	LHS Lào K23A
58	TV3.058	BOUALAVONG SOUPHASIT	13/01/2006	5.0	3.5	6.0	5.0	19.5	B1	LHS Lào K23E
59	TV3.059	XAYYAVONG SOUTHISACK	17/07/1984	5.0	7.0	7.5	6.0	25.5	B2	CĐSL
60	TV3.060	PHOUMXAYYASY SOUTTHISAN	09/01/2000	6.5	7.5	8.0	6.0	28.0	B2	LHS Lào K23C
61	TV3.061	PHONESAVANH SYAMPHONE	01/09/1983	7.0	8.5	7.0	9.0	31.5	C1	CĐSL
62	TV3.062	PANYALUCK SYVANH	11/02/1992	7.0	7.0	6.0	8.5	28.5	B2	CĐSL
63	TV3.063	SYDAVONE TAVANH	26/06/2006	7.0	6.5	7.5	3.5	24.5	B2	ĐH Tân Trào
64	TV3.064	BOUNPHENGPHANH THAITHANA	08/08/2006	7.5	8.0	7.5	8.0	31.0	C1	ĐH Tân Trào
65	TV3.065	KEOBOUALAPHET THANAPHONE	25/08/2007	7.0	5.5	7.5	3.5	23.5	B2	LHS Lào K23C
66	TV3.066	XAYYAPHAЕ THANDA	06/05/2005	4.5	5.5	5.0	4.0	19.0	B1	LHS Lào K23B

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Kỹ năng				TBC	Bậc năng lực	Ghi chú
				Nghe	Nói	Đọc	Viết			
67	TV3.067	VONGPHACHANH THATSAPHON	22/05/2007	5.0	3.5	6.0	3.5	18.0	B1	LHS Lào K23B
68	TV3.068	VONGVONE THILASACK	29/08/2003	5.5	6.0	7.0	6.0	24.5	B2	LHS Lào K23C
69	TV3.069	KEO THONGKHAM	07/10/1998	7.5	4.0	8.0	3.5	23.0	B2	ĐH Tân Trào
70	TV3.070	SENGSUKANH THONGLA	02/05/1982	6.0	8.5	5.0	8.0	27.5	B2	CĐSL
71	TV3.071	SIDAKHAM THONGLAI	20/07/1992	7.0	8.5	7.5	9.0	32.0	C1	CĐSL
72	TV3.072	NAVONGSAY VANENGXIONG	03/04/1991	5.0	6.5	6.5	7.0	25.0	B2	CĐSL
73	TV3.073	YOTSAVATH VONESY	28/08/2004	7.5	3.5	8.0	4.0	23.0	B2	ĐH Tân Trào
74	TV3.074	KHOUNNAKHANTY XAYKHAM	04/12/1990	5.5	7.0	5.5	8.0	26.0	B2	CĐSL
75	TV3.075	YOUAPOR XENGHA	20/05/1986	7.0	6.0	8.0	4.0	25.0	B2	CĐSL

Danh sách có 75 thí sinh. Trong đó:

Bậc năng lực	A1	A2	B1	B2	C1	C2
Tổng số	0	2	13	51	9	0